

Bản án số: 41/2024/HS-ST
Ngày: 26-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tôn Thọ Nuôi

Bà Nguyễn Thị Thủy

Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Trường H, tên gọi khác Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 30-7-1989, tại tỉnh Long An. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1969 và bà Lê Thị Bạch T, sinh năm 1970; vợ Nguyễn Hồng D, sinh năm 1989 (Đã ly hôn); con 01 người, sinh năm 2012; tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 02/9/2021, bị Chủ tịch UBND xã T, huyện M, tỉnh Long An, xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.000.000 đồng về hành vi “Không thực hiện biện pháp bảo vệ cá nhân đối với người tham gia chống dịch”. Đã nộp phạt ngày 02/9/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25-9-2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Trường H: Luật sư Nguyễn Thị Thu H2 – Thành viên Đoàn luật sư tỉnh L (Có mặt).

- *Bị hại:* Hộ kinh doanh Hoàng Đ. Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

Người đại diện của H3 kinh doanh Hoàng Đ: Ông Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 30/01/1967. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành Đ1: Bà Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Long An (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 03/7/2024, có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Trúc P1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số D, đường L, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Long An (Có mặt).

2. Ông Lê Văn Q, sinh ngày 06/6/1993. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Long An, (Vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 15/8/1991. Địa chỉ: Tổ A, khóm B, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Long An (Vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số C, đường V, khu phố A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (Có mặt).

5. Ông Lê Thành Đ2, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Long An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7 năm 2021, bị cáo Nguyễn Trường H lấy tên là Nguyễn Hoàng P để giao dịch mua thức ăn thủy sản tại Cửa hàng B (Hộ kinh doanh H9, do ông Nguyễn Thành Đ1 đứng tên trên Giấy phép đăng ký kinh doanh (gọi tắt là Cửa hàng B) tại địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện M và giao cho bà Nguyễn Thị Ánh T1 (là em ruột của ông Đ1) thay mặt ông Đ1 quản lý, điều hành các hoạt động của Cửa hàng B), để bán lại cho những người nuôi tôm, nhằm hưởng tiền huê hồng.

Đến tháng 5/2022, bị cáo H nợ tiền mua thức ăn thủy sản tại Cửa hàng B với số tiền là 2.699.407.000 đồng nên bà T1 không tiếp tục bán thức ăn thủy sản cho bị cáo H. Do đó, bị cáo H nảy sinh ý định sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt GCNQSDĐ) giả để thế chấp cho Cửa hàng B, nhằm tin tưởng bị cáo có tài sản thế chấp để tiếp tục bán thức ăn thủy sản cho bị cáo. Bị cáo H nhắn tin qua điện thoại cho bà Nguyễn Thị Thu T3 đang làm kế toán tại Cửa hàng B với nội dung: Bị cáo H có bất động sản, sẽ thế chấp cho bà T1 để được mua

thức ăn thủy sản; trong đó có tin nhắn “anh đưa bang khoảng de bao lanh thuc” (anh đưa bằng khoảng để bảo lãnh thức). Khi nhận được tin nhắn của bị cáo H, bà T3 chuyển các tin nhắn trên qua điện thoại cho bà T1 biết, nhưng bà T1 vẫn không đồng ý tiếp tục bán thức ăn thủy sản cho H, vì bà T1 chưa quản lý được GCNQSDĐ của bị cáo H.

Tháng 6/2022, bị cáo H thuê lại ao của ông Nguyễn Văn T4 tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Long An để nuôi tôm. Do bà T1 không bán thức ăn thủy sản cho bị cáo H, nên bị cáo đến Cửa hàng V tại ấp B, xã T, huyện M do bà Trần Trúc P1 làm chủ, để thỏa thuận mua thuốc, thức ăn thủy sản nuôi tôm cũng với tên là Nguyễn Hoàng P. Bị cáo H là khách hàng mới, không có tiền để trả tiền mặt khi mua hàng tại Cửa hàng V, nên bị cáo H đưa ra thông tin với bà P1 “Bị cáo đang chuẩn bị ao để nuôi tôm và có khách hàng còn thiếu tiền mua thuốc, thức ăn thủy hải sản của bị cáo trước đây chưa trả hết tiền cho bị cáo, khi xong vụ bị cáo sẽ lấy tiền trả lại cho bà P1”. Nghe vậy, bà P1 đồng ý bán thức ăn thủy sản cho bị cáo H và bị cáo cam kết “Sau 15 ngày giao thuốc, thức ăn thủy sản sẽ trả tiền”. Sau 15 ngày kể từ ngày nhận thức ăn thủy sản lần đầu tại Cửa hàng V, số tiền mua bán thức ăn thủy sản khoảng 50.000.000 đồng. Bà P1 yêu cầu trả tiền, nhưng bị cáo H không có tiền để trả như cam kết. Bị cáo H đưa ra lý do, khách chưa trả tiền nên bị cáo chưa có tiền để trả cho bà P1. Bị cáo H đề nghị bà P1 tiếp tục bán thuốc, thức ăn thủy sản cho bị cáo H khi số tiền lên đến 100.000.000 đồng, thì bị cáo trả tiền và bà P1 đồng ý. Khi số tiền mua thức ăn thủy sản là 97.525.000 đồng (gồm 94.525.000 đồng tiền thuốc đã bán và 3.000.000 đồng tiền vôi chưa giao), bà P1 yêu cầu bị cáo trả tiền, bị cáo không có tiền trả nên bà P1 không tiếp tục bán thiếu cho bị cáo. Bị cáo H mới nảy sinh ý định thế chấp GCNQSDĐ giả cho bà P1 để kéo dài thời gian trả nợ. Bị cáo thỏa thuận với bà P1 “Bị cáo thế chấp GCNQSDĐ do bị cáo đứng tên cho bà P1, trong vòng 07 ngày sẽ lấy tiền về trả, lấy giấy đất ra để tiếp tục được mua thuốc, thức ăn thủy hải sản” bà P1 đồng ý. Bị cáo H giao cho bà P1 giữ 01 GCNQSDĐ giả, có đặc điểm: Số A0 784483, thửa đất số 1023, diện tích 18.000 m², tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Long An mang tên Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1989, nơi thường trú: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An, để tạo niềm tin, bị cáo sẽ trả nợ.

Sau 04 ngày kể từ ngày giao GCNQSDĐ giả cho bà P1 giữ, bị cáo H không có tiền để trả tiền mua thức ăn thủy sản nợ trước đó cho bà P1. Bị cáo H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Cửa hàng Hoàng Đ thông qua bà T1 để trả cho bà P1. Bằng cách, bị cáo H gặp ông Nguyễn Văn N là người đang làm tại cửa Cửa hàng B và nói cho ông N biết, bị cáo đang thiếu nợ tại Cửa hàng V với số tiền là 97.525.000 đồng và thế chấp 01 GCNQSDĐ với diện tích 18.000 m². Mục đích, để cho ông N biết và tin rằng bị cáo có đất, ông N sẽ nói lại cho bà T1 biết, bà T1 tin tưởng bị cáo có đất sẽ cho bị cáo mượn số tiền 97.525.000 đồng để trả cho Cửa hàng V và nhận lại GCNQSDĐ giao cho bà T1 giữ và sẽ tiếp tục bán thức ăn thủy sản cho bị cáo nợ.

Khi bà T1 biết được thông tin từ ông N và hình ảnh của GCNQSDĐ do bị cáo đứng tên gửi cho nhân viên của Cửa hàng B, bà T1 tưởng là thật, nên đồng ý

cho bị cáo H mượn tiền trả cho Cửa hàng V. Ngày 16/7/2022, bà T1 cùng bị cáo H đi đến Cửa hàng V, bà T1 đưa cho H số tiền 97.525.000 đồng và đứng bên ngoài đợi, còn bị cáo đi vào gặp bà P1 thỏa thuận và được bà P1 đồng ý cho bị cáo trả trước số tiền 50.000.000 đồng và nhận lại bản chính của GCNQSDĐ đã giao cho bà P1 giữ trước đó để bị cáo đến Cửa hàng Hoàng Đ thế chấp lấy tiền trả hết số tiền còn nợ cho bà P1. Số tiền còn lại 47.525.000 đồng, bị cáo H dùng vào việc: Trả tiền mua dầu chạy máy nuôi tôm còn nợ trước đó cho Cửa hàng Xăng dầu xã T 37.000.000 đồng; trả tiền làm công cho Lê Văn Q 5.000.000 đồng; số tiền còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân.

Sau khi H trả tiền cho bà P1 50.000.000 đồng, còn nợ lại 44.525.000 đồng và chưa đến hạn mức 100.000.000 đồng như thỏa thuận ban đầu, bị cáo H đề nghị được tiếp tục mua thuốc, thức ăn thủy hải sản thì được bà P1 đồng ý. Vì bà P1 tin lời bị cáo nói trước đó thế chấp GCNQSDĐ bên Cửa hàng Hoàng Đ sẽ lấy tiền trả cho bà P1, nên từ ngày 26/7/2022 đến ngày 13/8/2022 bà P1 tiếp tục bán thuốc cùng thức ăn thủy hải sản cho bị cáo với tổng số tiền nợ trước và sau là 102.725.000 đồng.

Ngày 20/7/2022, bị cáo H với bà T1 lập một “Hợp đồng thế chấp GCNQSDĐ” để đảm bảo cho việc bị cáo thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi bà T1 tiếp tục bán thức ăn thủy sản cho bị cáo. Bà T1 tin tưởng GCNQSDĐ bị cáo thế chấp là thật, nên từ ngày 22/7/2022 đến ngày 21/9/2022 đã bán thức ăn thủy sản cho bị cáo với số tiền 973.510.600 đồng.

Ngày 22/9/2022, bị cáo H thu hoạch tôm bán cho bà Lương Thị Mộng T5 với số tiền là 920.000.000 đồng. Bị cáo H dùng số tiền này để trả nợ cho những người bên ngoài bị cáo nợ trước đó. Bị cáo H không thanh toán tiền cho Cửa hàng B, bỏ đi khỏi địa phương và không liên lạc được.

Ngày 07/10/2022, bị cáo H mở máy điện thoại và bà T1 đã liên lạc được với bị cáo. Ngày 08/10/2022, bị cáo đến Cửa hàng B để xác nhận nợ và cùng bà T1 lập một giấy xác nhận công nợ với nội dung “Phúc lấy thức - thuốc - khoáng - vôi giao cho khách hàng còn nợ lại chưa thanh toán cho Đại lý H10”, H lấy tên là Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1989, số căn cước công dân: 080089000776. Nội dung ký trong giấy xác nhận nợ như sau:

- Ông H4 (Trần Văn H5, sinh năm 1976, nơi thường trú: Ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Long An). Tổng số tiền hàng đã nhận: 1.148.271.000 đồng;

- Cô H6 (Bùi Văn T6, sinh năm 1973, nơi thường trú: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An. Tổng số tiền hàng đã nhận: 417.641.000 đồng;

- Anh H7-kinh quận (Dương Văn H8, sinh năm: 1970, nơi thường trú: ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Long An). Tổng số tiền hàng đã nhận: 516.692.000 đồng;

- Anh T7-79 (Nguyễn Văn T4, sinh năm 1975, nơi thường trú: Ấp Ô, xã B, Thị xã K, tỉnh Long An). Tổng số tiền hàng đã nhận: 336.256.000 đồng;

- Chị T8 (không rõ địa chỉ). Tổng số tiền hàng đã nhận: 65.400.000 đồng;

- Anh S (Hồ Văn S1, sinh năm 1999, nơi thường trú: Ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Long An). Tổng số tiền hàng đã nhận: 140.100.000 đồng;

- Phúc lấy của đại lý H10 97.525.000 đồng đưa cho đại lý V1 chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Tiền hàng P lấy nuôi tôm ao riêng là 1.048.557.600 đồng (bao gồm 973.510.600 đồng H thế chấp giấy đất giả mua thức ăn và H còn nợ thêm tiền mua thức ăn là 75.047.000 đồng).

Tổng tất cả số tiền H còn nợ bà T1 là: 3.770.442.600 đồng.

Sau đó, bà T1 tìm hiểu và biết tên thật của H cùng GCNQSDĐ thế chấp tại Cửa hàng B là giả.

Ngày 24/10/2022, Chi nhánh Văn phòng Đ3 tại huyện M có Công văn số 338/CN.VPĐKĐĐ xác định: Thửa đất số 1023, diện tích 18.000m², tờ bản đồ số 14, địa chỉ ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Long An không có tồn tại trong cơ sở dữ liệu (không có trên thực tế).

Tại Bản kết luận Giám định số: 1076/KL-KTHS ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” mẫu in sẵn số A0 784483 là giả.

Về vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 bản chính GCNQSDĐ giả có đặc điểm: số A0 784483, thửa đất số 1023, diện tích 18.000 m², tờ bản đồ số 14, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 10/05/2022 cho Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1989, nơi thường trú: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An đứng tên.

Tại Bản Cáo trạng số 24/CT-VKSLA-P2 ngày 14-3-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, đã truy tố bị cáo Nguyễn Trường H về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Trường H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của Bản cáo trạng. Xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố bị cáo phạm tội như trên là đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo. Quá trình điều tra vụ án bị cáo tự nguyện khai ra hành vi phạm tội, không bị ai hướng dẫn hay ép cung; bị cáo không khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đối với bị cáo trong hoạt động điều tra và truy tố vụ án đối với bị cáo.

Người bị hại do bà Nguyễn Thị Ánh T1 đại diện trình bày: Cửa hàng B đã bị bị cáo H dùng GCNQSDĐ giả thế chấp làm tin để cho bị cáo mượn tiền và bán thức ăn nuôi tôm thiếu cho bị cáo rồi chiếm đoạt với tổng số tiền là 1.071.035.600 đồng. Do đó, bà T1 đại diện Cửa hàng B yêu cầu bị cáo H phải trả lại số tiền trên cho cửa hàng. Tuy nhiên, trước đây giữa bà T1 với bị cáo H cùng ông Lê Thành

Đ2 thỏa thuận chuyển số tiền nợ từ ông Đ2 nợ bị cáo H số tiền 285.000.000 đồng sang nợ của của Cửa hàng B do bà T1 đại diện thỏa thuận, đến nay ông Đ2 cũng chưa trả cho cửa hàng. Bà T1 đại diện cho Cửa hàng B yêu cầu bị cáo H có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền là 786.035.600 đồng sau khi trừ số tiền ông Đ2 nợ và cùng yêu cầu bị cáo H trả số tiền nợ trước đó là 2.699.407.000 đồng. Đối với số tiền 97.525.000 đồng bị bị cáo H chiếm đoạt và dùng tiền này trả nợ cho người khác, bà T1 không yêu cầu thu hồi trả lại cho Cửa hàng B. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi liên quan đến vụ án trình bày:

- Bà Trần Trúc P1 trình bày: Bà P1 là chủ Cửa hàng V. Trước đây, bà P1 có bán thức ăn nuôi tôm cho bị cáo H, khi đến hạn mức thanh toán như thỏa thuận, bị H chưa có tiền trả nên có giao cho bà giữ một bản chính GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Hoàng P là tên của bị cáo H khi đến mua thức ăn nuôi tôm tại Cửa hàng V. Sau đó, bị cáo H có trả 50.000.000 đồng và bà P1 đã trả lại bản chính GCNQSDĐ cho bị cáo H. Khi nhận tiền từ bị cáo H, bà P1 không biết đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có. Sau khi trả được một phần tiền, bà P1 tiếp tục bán thức ăn nuôi tôm cho bị cáo H với tổng số tiền là 102.725.000 đồng và cho đến nay chưa thanh toán cho bà P1. Bà P1 yêu cầu bị cáo H trả lại cho bà P1 số tiền 102.725.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn N trình bày: Thông qua bị cáo H, ông N biết được bị cáo H có đứng tên tài sản là quyền sử dụng đất do H đứng tên, nên ông N có thông tin cho bà T1 biết, để bà T1 tiếp tục bán thức ăn nuôi tôm cho bị cáo H. Ông N hoàn toàn không biết được GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Hoàng P là giả và cũng không có hưởng lợi gì từ bị cáo H.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu T3 trình bày: Bà T3 làm kế toán tại Cửa hàng B. Thời điểm bị cáo H nợ tiền thức ăn nuôi tôm tại Cửa hàng B là 2.699.407.000 đồng, bà T3 cũng nhiều lần liên lạc với bị cáo H yêu cầu trả nợ. Bị cáo H có gửi qua Zalo tin nhắn cho rằng bị cáo có tài sản cùng hình ảnh của GCNQSDĐ mang tên Nguyễn Hoàng P, nhằm để cho bà T3 thông tin lại cho bà T1 biết để tiếp tục bán thức ăn nuôi tôm thiếu cho bị cáo H, nhưng bà T1 không đồng ý. Một thời gian sau đó, bà T1 giữ được bản chính của GCNQSDĐ trên, thì mới bán thức ăn thiếu cho bị cáo H.

- Bị cáo H đồng ý hoàn trả lại số tiền chiếm đoạt, tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ theo yêu cầu của bà T1 và bà P1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa, phát biểu luận tội về hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố của Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trường H phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015

sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng: Điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng: Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội đối với bị cáo Nguyễn Trường H. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 15 năm đến 17 năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Trường H trả lại số tiền chiếm đoạt của Cửa hàng Hoàng Đ sau khi cần trừ nợ còn lại là 786.035.600 đồng, cùng số tiền nợ mua thức ăn nuôi tôm trước đó là 2.699.407.000 đồng; trả cho bà P1 chủ Cửa hàng V số tiền 102.725.000 đồng.

- Về xử lý vật: Đề nghị lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 bản chính GCNQSDĐ giả có đặc điểm: số A0 784483, thửa đất số 1023, diện tích 18.000 m², tờ bản đồ số 14, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 10/05/2022 cho Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1989, nơi thường trú: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An đứng tên.

Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Trường H trình bày: Thông nhất về tội danh đối với bị cáo như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa, nhưng mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, mong Hội đồng xét xử xem xét lại cho bị cáo. Ngoài ra, Luật sư còn phân tích thêm về nguyên nhân, điều kiện dẫn đến bị cáo phạm tội, về hoàn cảnh gia đình của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới khung hình phạt đối với bị cáo cũng có tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi liên quan đến vụ án không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt một số người liên quan, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai, quá trình điều tra phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét, lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Trường H tại phiên tòa phù hợp với: Lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng; Biên bản thu giữ vật chứng; Kết luận Giám định và cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, xét có đủ cơ sở kết luận rằng:

- Bị cáo Nguyễn Trường H là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

- Trước đó, bị cáo Nguyễn Trường H lấy tên là Nguyễn Hoàng P để mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản tại Cửa hàng B và còn nợ tiền, nên cửa hàng không tiếp tục bán thức ăn cho bị cáo. Đang trong vụ tôm do bị cáo nuôi, bị cáo đến Cửa hàng V thỏa thuận mua thiếu và được Cửa hàng Vinh P2 đồng ý bán thiếu theo hạn mức thanh toán rồi mới tiếp tục bán. Nhưng khi đến hạn thanh toán cho Cửa hàng V theo thỏa thuận, bị cáo không có tiền để thanh toán, nhằm để kéo dài thời gian thanh toán tiền mua thức ăn nuôi tôm tại Cửa hàng V và có ý định tiếp tục mua thức ăn nuôi tôm thiếu tại Cửa hàng B, bị cáo H đặt làm 01 bản chính GCNQSDĐ giả có đặc điểm: số A0 784483, thửa đất số 1023, diện tích 18.000 m², tờ bản đồ số 14, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 10/05/2022 cho Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1989, nơi thường trú: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An đứng tên và đưa ra thông tin bị cáo có tài sản là quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ giả do bị cáo đang đứng tên để cho bà T1 là người đại diện tại Cửa hàng B biết và tin là có thật. Nên bà T1 cho bị cáo H mượn số tiền 97.525.000 đồng để trả cho Cửa hàng V và nhận lại GCNQSDĐ giao cho bà T1 quản lý, Cửa hàng B tiếp tục bán thức ăn và thuốc thủy thủy sản cho bị cáo H từ ngày 22/7 đến ngày 21/9/2022 với số tiền 973.510.600 đồng. Đến khi thu hoạch tôm, bị cáo H không trả tiền cho Cửa hàng B.

Hành vi sử dụng GCNQSDĐ giả như trên của bị cáo H là thể hiện sự gian dối đối với chủ Cửa hàng B, nhằm để chiếm đoạt tài sản. Do đó, các hành vi nêu trên của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và được quy định như sau:

“Điều 174: 1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

.....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên”.

“Điều 134: 1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

Như vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố bị cáo về các tội danh như trên là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan cho bị cáo.

[4] Tội phạm do bị cáo gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước và xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân về việc tài liệu của các cơ quan, tổ chức bị làm giả nhằm sử dụng vào hành vi trái pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án tương xứng đối với bị cáo, nhằm đạt mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, cần phải xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các hành vi phạm tội như trên của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo với đại diện người bị hại và người liên quan thỏa thuận cân trừ tiền nợ nhằm khắc phục một phần thiệt hại cho người bị hại; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con còn nhỏ và là lao động chính trong gia đình; có ông bà là người có công với đất nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về quyết định hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ của hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, mức hình phạt và loại hình phạt như đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa đề nghị xử phạt bị cáo đối với từng tội danh là phù hợp, nên ghi nhận xem xét. Xét, những ý kiến, quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa có một phần phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên được ghi nhận để xem xét.

[7] Xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[8] Về hành vi của những người khác gồm các ông bà: Trần Trúc P1, Lê Văn Q, và Nguyễn Hoàng T2 không biết trước được số tiền bị cáo H trả cho các ông bà là tiền do bị cáo phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ. Ông Nguyễn Văn N không biết được việc bị cáo H dùng GCNQSDĐ giả để giao cho bà T1 giữ làm tin để nhằm chiếm đoạt tài sản của Cửa hàng B và ông N không có hưởng lợi, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[9] Xét, ngoài hành vi phạm tội như trên, bị cáo H còn có dấu hiệu của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đối với Cửa hàng B, đối với số tiền 2.699.407.000 đồng, về việc: bị cáo H mua thức ăn và thuốc thủy sản dùng trong nuôi tôm tại Cửa hàng B để bán lại cho người khác (gồm các ông bà: Trần Văn H5 1.148.271.000 đồng, Bùi Văn T6 (Chín) 417.641.000 đồng, Dương Văn H8 516.692.000 đồng, Nguyễn Văn T4 336.256.000 đồng, Hồ Văn S1 140.100.000 đồng, chị T8 65.400.000 đồng và bị cáo H 75.047.000 đồng) lấy lời (hưởng chênh lệch), còn nợ cho đến nay. Giữa cửa hàng và bị cáo không có xác lập hợp đồng mua bán với nhau, nhưng có thỏa thuận với nhau: Khi người nuôi tôm kết thúc vụ tôm, bị cáo H thu tiền trả cho Cửa hàng B. Qua lời khai của các ông bà H5, T4, S1 và T4 xác nhận, đều trả đủ tiền trên cho bị cáo H tại các bút lục: 102 – 105; 108 – 111; 141 – 144, 152; 158 – 170. Hội đồng xét xử đã có Quyết định trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An để điều tra bổ sung nhưng không được Viện kiểm sát chấp nhận. Xét đây là hành vi độc lập, nên Hội đồng xét xử tiếp tục kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tiếp tục xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự, xét thấy:

[10.1] Đối với số tiền 97.525.000 đồng, trong đó: Bị cáo H dùng trả cho Cửa hàng V do bà P1 làm chủ số tiền 50.000.000 đồng, trả cho Cửa hàng Xăng dầu xã T do ông Nguyễn Hoàng T2 làm chủ số tiền 37.000.000 đồng và trả tiền làm công cho Lê Văn Q 5.000.000 đồng; số tiền còn lại 5.525.000 đồng bị cáo

tiêu xài cá nhân. Xét đây là số tiền bị cáo có được do phạm tội mà có, nhưng tại phiên tòa đại diện của người bị hại Cửa hàng B không có yêu cầu những người này giao trả lại cho Cửa hàng B, mà chỉ yêu cầu bị cáo H chịu trách nhiệm hoàn trả và được bị cáo đồng ý là hoàn toàn tự nguyện, nên ghi nhận.

[10.2] Đối với số tiền 973.510.600 đồng, trong đó: Giữa bà T1 với bị cáo H cùng ông Lê Thành Đ2 đã thỏa thuận chuyển số tiền nợ từ ông Đ2 nợ bị cáo H số tiền 285.000.000 đồng sang nợ của Cửa hàng Hoàng Đ do bà T1 đại diện thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận. Đó đó, bị cáo H còn có trách nhiệm hoàn trả lại cho Cửa hàng B số tiền 688.510.600 đồng.

Do đó, tổng số tiền bị cáo H có trách bồi thường cho Cửa hàng B từ hành vi chiếm đoạt sau khi đã căn trừ nợ với ông Lê Thành Đ2 còn lại là 786.035.600 đồng.

[10.3] Xét, tại phiên tòa bà T1 cho rằng đến nay ông Lê Thành Đ2 chưa trả cho Cửa hàng B số tiền 285.000.000 đồng nêu trên, Cửa hàng B có quyền khởi kiện ông Đ2 bằng một vụ án dân sự đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

[10.4] Đối với số tiền 2.699.407.000 đồng như nhận định tại mục [8]; trong trường hợp nếu các bên không tự thỏa thuận với nhau, sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự riêng theo quy định của pháp luật.

[10.5] Đối với số tiền 102.725.000 đồng, bị cáo H nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản tại Cửa hàng V là giao dịch dân sự giữa các bên, nên tách ra và được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

[11] Về vật chứng:

Căn cứ: Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xét: Đối với 01 bản chính GCNQSDĐ giả có đặc điểm: số A0 784483, thửa đất số 1023, diện tích 18.000 m², tờ bản đồ số 14, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 10/05/2022 cho Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1989, nơi thường trú: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An đứng tên, không có giá trị sử dụng, nên tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án.

[12] Về án phí: Căn cứ các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 23 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo bị cáo H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 35.441.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trường H phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

3. Áp dụng: Điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

4. Áp dụng: Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội đối với bị cáo Nguyễn Trường H. Buộc bị cáo Nguyễn Trường H phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25-9-2023.

5. Áp dụng: Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Trường H 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 26-8-2024 để đảm bảo thi hành án.

6. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ: Các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Trường H có trách nhiệm bồi thường cho Cửa hàng B tổng số tiền 786.035.600 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về xử lý vật chứng: Căn cứ: Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Lưu giữ theo hồ sơ vụ án gồm: 01 bản chính GCNQSDĐ giả có đặc điểm: số A0 784483, thửa đất số 1023, diện tích 18.000 m², tờ bản đồ số 14, ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 10/05/2022 cho Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1989, nơi thường trú: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An đứng tên.

8. Về án phí:

Căn cứ: Các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021; các Điều 23 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo bị cáo H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 35.441.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

10. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01);
- VKSNDCC tại TPHCM (01);
- VKSND tỉnh Long An (01);
- Cục THADS tỉnh Long An (01);
- Công an tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thiện Tâm